

Bản án số: 917/2026/DS-PT

Ngày: 11/5/2026

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài
sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thế Trọng

Các Thẩm phán: Ông Trần Quang Phúc

Ông Nguyễn Khắc Vương

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tố Quyên – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15 tháng 4 và ngày 11 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 406/2026/TLPT-DS ngày 09 tháng 3 năm 2026 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 138/2025/DS-ST ngày 11/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 6, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1153/2026/QĐ-PT ngày 03 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 4317/2026/QĐPT-DS ngày 27 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Ú, sinh năm 1956

Địa chỉ: 2 G, xã C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Đăng M.

Địa chỉ: H N, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:*

- Ông Đặng Thanh Đ, sinh năm 1954

Địa chỉ: 1 ấp L, xã C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Duy K, sinh năm 1954;

Địa chỉ: 1 V, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Đặng Kim S, sinh năm 1983

Địa chỉ: A D, ấp L, xã C, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1957

Địa chỉ: 2 G, xã C, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. *Người kháng cáo:* Ông Đặng Thanh Đ – Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ú có ông Trần Đăng M là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bà Nguyễn Thị Ú có cho bà Đặng Kim S vay số tiền 1.300.000.000. Bà S tự viết biên nhận nợ ngày 05/7/2016 nội dung bà S sẽ hoàn trả đủ cho bà Ú số tiền trên vào ngày 15/12/2016 (Âm lịch). Bà S đã trả cho bà Ú số tiền 200.000.000 đồng. Ngày 20/6/2018, ông Đặng Thanh Đ là cha ruột của bà S tự nguyện thực hiện thay nghĩa vụ trả nợ cho bà S số tiền 500.000.000 đồng, ông Đ có lập văn bản cam kết sẽ thanh toán hết số nợ vào ngày 20/8/2018. Nay đến hạn nhưng ông Đ và bà S không thanh toán nợ nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Đặng Thanh Đ và bà Đặng Kim S liên đới thanh toán số tiền nợ gốc là 600.000.000 đồng và số tiền lãi suất nợ quá hạn là $10\%/năm \times 150\% = 15\%/năm/tổng$ số tiền nợ tính từ ngày 21/8/2018 đến ngày 21/8/2025 là 630.000.000 đồng. Nguyên đơn không yêu cầu vợ ông Đ và chồng bà S cùng có trách nhiệm trả số tiền nợ nêu trên.

Bị đơn bà Đặng Kim S trình bày:

Vì bà Ú là chỗ thông gia bên gia đình bà S nên bà S nghe lời bà Ú viết biên nhận ngày 05/7/2016 có nội dung bà S mượn bà Ú số tiền 1.300.000.000 đồng nhưng không nhận tiền. Vì vậy, bà S không đồng ý trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của bà Ú. Bà S không nhờ ông Đ trả tiền cho bà Ú và bảo lãnh trả nợ thay cho bà S.

Bị đơn ông Đặng Thanh Đ có ông Võ Duy K là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ông nghe dư luận là bà S (con gái ông) có nợ tiền bà Ú nhưng không biết cụ thể là nợ bao nhiêu tiền. Do sợ mang tiếng, mất tình nghĩa thông gia nên ông không hỏi ý kiến bà S mà tự nguyện vay nợ nhiều nơi được 500.000.000 đồng đem tận nhà trả cho bà Ú. Ông ký biên nhận ngày 20/6/2018, nội dung ông đồng

ý trả nợ thay với con gái bà S số tiền 500.000.000 đồng, số tiền nợ còn lại là 600.000.000 đồng ông sẽ cùng bà S trả cho bà Ú vào ngày 20/8/2018. Khi vụ án này được thụ lý, ông Đ mới biết là bà S không nợ bà Ú. Ngày 03/5/2019, ông có nộp đơn phản tố yêu cầu bà Nguyễn Thị Ú hoàn trả lại số tiền 500.000.000 đồng mà ông đã giao. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Ú ông D không đồng ý vì ông không có nợ tiền bà Ú.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn L trình bày:

Ông là chồng của bà Ú, đối với tranh chấp giữa bà Ú và ông D, bà S, ông thống nhất ý kiến với bà Ú, ông xác định số tiền trong giao dịch là tiền riêng của bà Ú, bà không tranh chấp với bà Ú trong vụ án này.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 138/2025/DS-ST ngày 11/9/2025, Tòa án nhân dân Khu vực 6, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ú đối với bị đơn ông Đặng Thanh Đ, bà Đặng Kim S về yêu cầu tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Buộc ông Đặng Thanh Đ, bà Đặng Kim S liên đới có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Ú số tiền vay gốc còn nợ là 600.000.000 (sáu trăm triệu đồng) và tiền lãi là 630.000.000 (sáu trăm ba mươi triệu đồng). Thời hạn trả tiền một lần kể từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành số tiền nêu trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Hủy bỏ biên nhận tiền ngày 05/7/2016 giữa bà Đặng Kim S và bà Nguyễn Thị Ú và biên bản trả tiền ngày 20/6/2018 giữa ông Nguyễn Thanh Đ1 và bà Nguyễn Thị Ú.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Đặng Thanh Đ đối Đới, bà Nguyễn Thị Ú.

Ngoài ra án sơ thẩm còn giải quyết các vấn đề về chi phí tố tụng, án phí, thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm,

Ngày 06/10/2025, bị đơn ông Đặng Thanh Đ kháng cáo bản án sơ thẩm đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm do không xem xét toàn diện chứng cứ trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của người kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của bà Ú, chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Đ.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ ý kiến đã trình bày, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị đơn bà Đặng Kim S thống nhất với yêu cầu kháng cáo của ông Đặng Thanh Đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng các quy định của pháp luật; những người tham gia phiên tòa đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo luật định.

- Về nội dung kháng cáo: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ, áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận 1 phần kháng cáo của bị đơn ông Đặng Thanh Đ, sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm 138/2025/DS-ST ngày 11/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 6, Thành phố Hồ Chí Minh theo hướng: Buộc bị đơn ông Đặng Thanh Đ và bà Đặng Kim S có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ú số tiền lãi, (tính trên số tiền nợ gốc 600.000.000 đồng), với mức lãi suất 10%/năm, tính từ ngày 21/8/2018.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe các bên đương sự trình bày ý kiến, sau khi nghe Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm, sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức:

- Đơn kháng cáo của ông Đặng Thanh Đ làm trong thời hạn luật định, hợp lệ nên được chấp nhận để xem xét.

- Về sự vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt và không có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt người tham gia tố tụng nêu trên.

[2] Về nội dung kháng cáo: Xét yêu cầu kháng cáo của ông Đặng Thanh Đ, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Bà Nguyễn Thị Ú khởi kiện yêu cầu bà Đặng Kim S trả tiền vay dựa trên Biên nhận ngày 05/7/2016 với nội dung bà Đặng Kim S có nhận của bà Nguyễn Thị Ú số tiền là 1.300.000.000 đồng, bà S cam kết trả cho bà Ú số tiền trên vào ngày 15/12/2016 (âm lịch) nhưng đến nay vẫn chưa trả.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà S không thừa nhận có vay nợ theo nội dung trên cũng như có ký vào Biên nhận ngày 05/7/2016. Tuy nhiên, tại đơn phản tố đề ngày 25/4/2019 của bà S nộp cho Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 6, Thành phố Hồ Chí Minh) thể hiện nội dung: “...*tôi viết giấy biên nhận ngày 05/7/2016 rồi tôi đưa cho bà Ú sau đó đi về Thành phố Hồ Chí Minh nhưng tôi không hề nhận số tiền 1.300.000.000 đồng của bà Ú...*”. Trong Bản tự khai ngày 10/4/2019, bà S tiếp tục thừa nhận: “...*vì chỗ thông gia với gia đình ba, mẹ tôi nên tôi nghe bà Ú nói như vậy nên tôi vội viết biên nhận ngày 05/7/2016 rồi tôi đưa cho bà Ú, sau đó tôi đi về Thành phố Hồ Chí Minh...*”. Hội đồng xét xử thấy rằng giấy vay tiền ngày 05/7/2016 là chứng cứ bằng văn bản do chính bà Sáng lập, trong đó thể hiện rõ nội dung “*có nhận*” số tiền 1.300.000.000 đồng từ bà Nguyễn Thị Ú. Việc xác nhận “*đã nhận tiền*” trong giấy vay thể hiện giao dịch vay tài sản đã được thực hiện xong, có giá trị chứng minh trực tiếp việc giao nhận tiền giữa các bên, không phụ thuộc vào việc có hay không có chứng từ giao nhận tiền riêng biệt.

Hơn nữa, Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ cũng đã trưng cầu Phòng K1 - Công an Thành phố H giám định chữ ký của bà S trong Biên nhận ngày 05/7/2016 nhưng không thực hiện được do bà S không cung cấp các mẫu so sánh vào năm 2016.

Từ những tình tiết nêu trên, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định bà Đặng Kim S có ký vào Biên nhận ngày 05/7/2016. Nội dung của Biên nhận trên đã thể hiện rõ bà S đã nhận số tiền 1.300.000.000 đồng của bà Ú. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án đến tại phiên tòa phúc thẩm, bà S không thừa nhận đã nhận số tiền trên nhưng cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét trình bày của bà S. Xét hình thức và nội dung của Biên nhận ngày 05/7/2016 đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử xác định giữa bà Nguyễn Thị Ú và bà Đặng Kim S có giao dịch vay tiền, có thời hạn và không thỏa thuận lãi suất.

Vào ngày 20/6/2018, ông Đặng Thanh Đ là cha của bà Đặng Kim S đã tự nguyện trả thay cho bà S 500.000.000 đồng và đồng thời cam kết trả tiền nợ cùng với bà S. Ông Đặng Thanh Đ cũng thừa nhận đã ký vào biên bản trả tiền ngày 20/6/2018 với nội dung thỏa thuận trên, đây chính là một trong các biện pháp bảo đảm giao dịch dân sự được quy định tại Điều 335 Bộ luật Tố tụng dân sự: “*Bảo lãnh là việc người thứ ba (sau đây gọi là bên bảo lãnh) cam kết với bên có quyền (sau đây gọi là bên nhận bảo lãnh) sẽ thực hiện nghĩa vụ thay cho bên*

có nghĩa vụ (sau đây gọi là bên được bảo lãnh), nếu khi đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ mà bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ”. Hành vi này thể hiện việc ông Đ tự nguyện tham gia thực hiện nghĩa vụ đối với khoản nợ của bà S, nên có căn cứ xác định ông Đ tham gia quan hệ nghĩa vụ với tư cách người bảo lãnh đối với khoản nợ nêu trên. Hội đồng xét xử xét thấy đây là ý chí tự nguyện của ông Đ, phù hợp với pháp luật dân sự về giao dịch bảo lãnh quy định tại Điều 335 và Điều 336, khoản 1 Điều 288 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên hợp pháp.

Căn cứ Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định như sau: “Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định”.

Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 có nội dung: “Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác”.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ú về việc buộc ông Đ, bà S liên đới trả tiền vay gốc và bác yêu cầu phản tố của ông Đặng Thanh Đ là phù hợp quy định của Điều 466, Điều 355 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm xác định thời gian tính lãi suất quá hạn của bị đơn từ ngày 21/8/2016 là không phù hợp. Bởi lẽ, theo giấy cam kết của ông Đ thì thời hạn bị đơn trả tiền cho nguyên đơn là ngày 20/8/2018 nên áp dụng quy định tại khoản 4 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì thời gian tính lãi suất quá hạn của bị đơn phải tính kể từ ngày 21/8/2018 mới chính xác. Do các bên không có thỏa thuận về lãi suất nên lãi suất chậm trả được xác định theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 theo mức 10%/năm tương ứng với thời gian chậm trả từ ngày 21/8/2018 đến ngày 21/8/2025 với tổng số tiền lãi là 420.000.000 đồng.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa một phần bản án sơ thẩm về phần tiền lãi và án phí dân sự sơ thẩm.

Ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào,

Điều 296, Điều 308, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 355, 356, 463, 466 Bộ luật sự 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Đặng Thanh Đ.
2. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 138/2025/DS-ST ngày 11/9/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 6, Thành phố Hồ Chí Minh:

2.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ú: Buộc ông Đặng Thanh Đ, bà Đặng Kim S liên đới có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Ú số tiền nợ là 600.000.000 (sáu trăm triệu đồng) và tiền lãi tính từ ngày 21/8/2018 đến ngày 21/8/2025 là 420.000.000 (Bốn trăm hai mươi triệu đồng). Thời hạn trả tiền một lần kể từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành số tiền nêu trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2.2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ú về việc buộc ông Đặng Thanh Đ, bà Đặng Kim S liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Ú số tiền tiền lãi là 210.000.000 đồng.

2.3. Hủy bỏ Biên nhận tiền ngày 05/7/2016 giữa bà Đặng Kim S và bà Nguyễn Thị Ú và Biên bản trả tiền ngày 20/6/2018 giữa ông Nguyễn Thanh Đ1 và bà Nguyễn Thị Ú.

2.4. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Đặng Thanh Đ về yêu cầu bà Nguyễn Thị Ú hoàn trả lại số tiền 500.000.000 đồng.

2.5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Đặng Kim S chịu án phí dân sự sơ thẩm là 21.300.000 đồng (hai mươi một triệu ba trăm ngàn) đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự

sơ thẩm mà bà S đã nộp là 15.000.000 (Mười lăm triệu) đồng theo biên lai thu tiền số 06435 ngày 03/5/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cần Giờ, bà S phải nộp thêm tiền án phí là 6.300.000 (Sáu triệu ba trăm ngàn) đồng.

- Ông Đặng Thanh Đ được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Thị Ú được miễn án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện không được Tòa án chấp nhận, hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Ú số tiền 14.174.000 (mười bốn triệu một trăm bảy mươi bốn ngàn) đồng là tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 06167 ngày 11/3/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.6. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đặng Thanh Đ không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- TAND Khu vực 6, TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- Phòng THADS Khu vực 6, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thế Trọng